

Bản án số 316/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 12 - 2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Thế Q, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp XL, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Thang Phương T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Hồ Thế Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị T kết hôn năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ khi vợ chồng có con phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Chị T

dẫn con đi từ khi 08 tháng cho đến nay không về nhà. Gia đình hai bên có hòa giải, nhưng không thành. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Hồ Thế Quang H, sinh ngày 19/5/2018. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa:

- Anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Chị T không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn, chị đồng ý nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Hồ Thế Q khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Thanh Phương T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2017, anh Q với chị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh Q với chị T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh Q xác định quá trình chung sống, vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T không đồng ý ly hôn, chị yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy: Chị T là người yêu cầu đoàn tụ, nhưng chị không có biện pháp gì thiết phục anh Q đoàn tụ. Mặt khác, anh Q với chị T đã ly thân trong thời gian dài, nhưng anh chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, anh Q xác định không còn tình thương hay tình cảm với chị T, anh tha thiết được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q về quan hệ hôn nhân.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu H đã hơn 06 tuổi đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao con cho chị T nuôi, chị T đồng ý. Xét thấy: Cháu H đang sống ổn định với chị T, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu H, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q về con chung.

[5] Xét về cấp dưỡng: Anh Q giao con cho chị T nuôi, anh Q cấp dưỡng với số tiền 3.000.000đ/tháng, chị T đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q về cấp dưỡng.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh Q, chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự và án phí cấp dưỡng: Anh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Thế Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hồ Thế Q được ly hôn với chị Thang Phương T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Thế Quang H, sinh ngày 19/5/2018 cho chị Thang Phương T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Thế Q không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Hồ Thế Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hồ Thế Quang H, sinh ngày 19/5/2018 mỗi tháng với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/12/2024) cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

4. Kể từ ngày chị Thang Phương T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hồ Thế Q chậm thi hành khoản tiền trên cấp dưỡng, thì hàng tháng anh Q còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Anh Hồ Thế Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002190 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Hồ Thế Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5.2. Buộc anh Hồ Thế Q phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

